TÒA ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ L** **TỈNH BÌNH THUẬN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 05/2019/HNGĐ - ST
Ngày: 04/4/2019
V/v: "Tranh chấp ly hôn, nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ L, TỈNH BÌNH THUẬN

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Huỳnh Thị Vũ Toàn**.

Các Hội thẩm nhân:

Ông **Dương Quang Khai**

Bà **Vũ Thị Minh Huệ**

***Thư ký phiên tòa*:** Bà **Nguyễn Ngọc Song Yến** – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã L, tỉnh Bình Thuận.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã L, tỉnh Bình Thuận *tham gia phiên tòa:* Bà **Lê Thị Chinh** - Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 4 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã L xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 325/2018/TLST-HNGĐ ngày 27 tháng 12 năm 2018 về việc "Tranh chấp ly hôn, nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 03/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 04 tháng 3 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 03/2018/QĐST-HNGĐ ngày 19 tháng 3 năm 2019, giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn**: Chị **Lê Thị K** – sinh năm 1984. Có mặt.
- **Bị đơn:** Anh **Nguyễn Thái S** – sinh năm 1983. Vắng mặt không lý do.

Cùng địa chỉ: Khu phố 4, phường Tân Thiện, thị xã L, tỉnh Bình Thuận.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ly hôn, nuôi con ngày 18.12.2018 và lời khai tại Tòa án nhân dân thị xã L, chị Lê Thị K – nguyên đơn trình bày:

Chị Lê Thị K và anh Nguyễn Thái S chung sống có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Tân Hải, huyện Ninh Hải, tỉnh Ninh Thuận theo giấy chứng nhận kết hôn số 50, đăng ký ngày 10/8/2016.

Thời gian đầu chung sống, vợ chồng chị hạnh phúc, đến năm 2017 giữa chị và anh S xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân do anh S không chăm lo cho gia đình, thường xuyên chơi cờ bạc, dẫn đến nợ nần, vợ chồng thường xuyên cãi vã. Chị K đã khuyên anh S nhiều lần, anh S hứa hẹn nhưng vẫn không có kết quả. Tháng

7/2017, chị K khởi kiện yêu cầu ly hôn tại Tòa án thị xã L một lần nhưng do anh S cam kết sẽ thay đổi nên chị K rút yêu cầu. Tuy nhiên, tình trạng hôn nhân sau đó không hề được cải thiện. Hiện nay, chị K và anh S không còn sống chung, chị K không còn tình cảm với anh S nên yêu cầu được ly hôn với anh Nguyễn Thái S.

Về con chung: Quá trình chung sống, chị K và anh S có 01 con chung là Nguyễn Lê Uyên N, sinh ngày 02/01/2014, hiện đang sống với chị K. Khi ly hôn, chị K yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung, không yêu cầu anh S cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa hôm nay, chị K vẫn giữ nguyên yêu cầu của mình.

Anh Nguyễn Thái S – bị đơn:

Quá trình giải quyết, Tòa án đã tiến hành tống đạt, niêm yết giấy triệu tập và các văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật nhưng anh S không chấp hành.

Theo kết quả xác minh nơi cư trú đối với anh Nguyễn Thái S thì anh S có hộ khẩu thường trú tại khu phố 4, phường Tân Thiện, thị xã L, tỉnh Bình Thuận.

Qua xác minh tình trạng hôn nhân cho thấy mâu thuẫn giữa chị K và anh S có tồn tại, đã trầm trọng, nguyên nhân do anh S thường xuyên chơi cờ bạc, gây nợ nần, không lo cho gia đình. Đánh giá hôn nhân khó hàn gắn.

Tại phiên tòa hôm nay, bị đơn – anh Nguyễn Thái S vắng mặt không có lý do.

Phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa:

Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa tuân theo pháp luật tố tụng; việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng là đúng pháp luật.

Về nội dung:

- Về quan hệ hôn nhân: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Lê Thị K.

- Về con chung: Giao chị K trực tiếp nuôi dưỡng con chung Nguyễn Lê Uyên N, sinh ngày 02/01/2014. Chị K không yêu cầu cấp dưỡng. Anh Nguyễn Thái S được quyền thăm nom, chăm sóc con chung.

- Về tài sản chung, nợ chung: Chị K không yêu câu giải quyết.

- Về án phí: Chị Lê Thị K phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và sau khi nghe đương sự trình bày tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền: Xét yêu cầu ly hôn, nuôi con của chị Lê Thị K là tranh chấp về hôn nhân và gia đình. Theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã L.

[2] Về tố tụng: Tòa án đã tiến hành tống đạt, triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng anh S vẫn vắng mặt. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[3] Về hôn nhân:

Xét yêu cầu ly hôn của chị Lê Thị K, Hội đồng xét xử xét thấy: Quan hệ hôn nhân giữa chị Lê Thị K và anh Nguyễn Thái S là hôn nhân hợp pháp. Mâu thuẫn hôn nhân của vợ chồng chị K là có tồn tại. Nguyên nhân chị K trình bày do anh S ham mê cờ bạc, không chăm lo gia đình. Theo kết quả xác minh tại địa phương thì giữa anh chị có xảy ra mâu thuẫn, đánh giá hôn nhân khó hàn gắn. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành tống đạt, niêm yết giấy triệu tập và các văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật nhưng anh S không chấp hành cũng như không có văn bản ý kiến về yêu cầu khởi kiện của chị K. Tại phiên tòa, chị K vẫn kiên quyết ly hôn. Từ đó, cho thấy chị K và anh S đều không có thiện chí hàn gắn hôn nhân.

Như vậy, mâu thuẫn hôn nhân giữa chị K và anh S đã trầm trọng, đời sống chung của vợ chồng không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Lê Thị K là phù hợp, theo quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[4] Về con chung: Xét yêu cầu nuôi con của chị K, Hội đồng xét xử xét thấy: Việc giao con cho ai trực tiếp nuôi dưỡng cần xem xét đến việc đảm bảo quyền lợi cho con về mọi mặt. Chị K có công việc, có thu nhập đảm bảo việc nuôi con. Quá trình giải quyết, anh S không có ý kiến trình bày về con chung, điều đó cho thấy anh S tự nguyện từ bỏ quyền yêu cầu được nuôi con. Trên thực tế, từ khi vợ chồng chị không sống chung, chị K trực tiếp đảm nhận việc nuôi con. Vì vậy, Hội đồng xét xử giao cho chị Lê Thị K được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung: Nguyễn Lê Uyên N, sinh ngày 02/01/2014 là phù hợp theo quy định tại Điều 81, 82 và 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[5] Về cấp dưỡng: Chị K không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[6] Về tài sản chung, nợ chung: Chị K không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[7] Về án phí: Chị Lê Thị K là nguyên đơn nên phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định tại Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng:

- Khoản 1, 2 Điều 21; khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; điểm b khoản 2 Điều 227; Điều 228; Điều 262; Điều 273; Điều 280 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Điều 51, 53, 54, khoản 1 Điều 56, Điều 81, 82 và 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Lê Thị K.

Chị Lê Thị K được ly hôn với anh Nguyễn Thái S.

2. Về con chung: Giao cho chị Lê Thị K trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung: Nguyễn Lê Uyên N, sinh ngày 02/01/2014.

Anh Nguyễn Thái S được quyền đi lại thăm nom, chăm sóc con chung mà không ai được quyền cản trở.

3. Về cấp dưỡng: Chị K không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về tài sản chung, nợ chung: Chị K không yêu cầu Tòa án giải quyết.

5. Về án phí: Chị Lê Thị K phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm về ly hôn, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị K đã nộp 300.000 đồng theo biên lai số 0022018 ngày 21/12/2018 tại Chi cục Thi hành án dân sự thị xã L. Chị Lê Thị K đã nộp đủ án phí.

6. Về quyền kháng cáo: Án xử công khai sơ thẩm, báo cho nguyên đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (04/4/2019). Bị đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự đã được sửa đổi, bổ sung. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự đã được sửa đổi, bổ sung.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bình Thuận;
- VKSND thị xã L;
- THADS thị xã L;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

- UBND xã Tân Hải, huyện Ninh Hải, tỉnh Nình Thuận
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ, án văn.

Huỳnh Thị Vũ Toàn